

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CÔNG  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ - ST

Ngày 28 - 5 - 2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Bùi Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST - HNGĐ ngày 16/5/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1992

ĐKKHKT: Thôn T1, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

**- Bị đơn:** Anh Ngô Xuân L, sinh năm 1990

ĐKKHKT: Thôn T1, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

(Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2025, bản tự khai ngày 10/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Xuân L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do

quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, không có tiếng nói chung. Gia đình đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2022. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Xuân L.

- Về con chung: Chị và anh L không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với anh Ngô Xuân L:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Ngô Xuân L. Nhưng trong thời gian quy định anh L không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

\* *Tại Biên bản xác minh ngày 24/4/2025, ông Ngô Xuân H là bố đẻ của anh Ngô Xuân L trình bày:*

Anh Ngô Xuân L là con trai của ông, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay anh L không có mặt tại địa phương, đang đi làm trong Nam. Địa chỉ cụ thể của anh L ông không biết, anh L chủ yếu liên lạc với ông qua điện thoại.

Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L: Anh L và chị T kết hôn năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống trong Nam. Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Gia đình đã nhiều lần động viên hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị vẫn không thể cải thiện được. Nay chị T làm đơn ly hôn anh L, quan điểm của anh L cũng đồng ý ly hôn, vì lý do đi làm xa nên anh không đến Tòa án để làm việc được. Anh xin được giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị T và anh L không có con chung.

Về tài sản chung: Chị T và anh L không có tài sản chung.

Về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Gia đình ông đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Sau khi nhận ông đã gọi điện thoại thông báo cho anh L được biết và ông cam đoan sẽ giao ngay lại các văn bản tố tụng cho anh L, khi anh L về nhà.

\* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị T được ly hôn anh L.

+ Về con chung: Chị T và anh L không có con chung.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Ngô Xuân L có hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Phạm Thị Thu T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Phạm Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Ngô Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị T và anh L là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Ngô Xuân L dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Chị T và anh L sống ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay,

không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh L là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh L không có con chung.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Ngô Xuân L.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0000959 ngày 25/02/2025. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị T và anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã Tượng Văn;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Trịnh Thị Hà**

